TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59/2017/ HNGĐ-ST
Ngày 31/8/2017
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Văn Hiếu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Thanh Xuân
2. Ông Giáp Đức Sơn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Lâm – Cán bộ Toà án nhân dân huyện Lạng Giang

Đại viện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hiên- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang.

Ngày 31/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2017/TLST-HNGĐ ngày 27/02/2017 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 28/6/2017 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1989 (có mặt).
Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1980 (vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/02/2017 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với Nguyễn Văn H2 vào ngày 03/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị lừa dối ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình anh Hải.

Thời gian phát sinh mâu thuẫn là từ đầu năm 2016, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến nhiều lần anh H2 xúc phạm chị và đánh chị. Đến tháng 9/2016, mâu thuẫn trầm trọng, chị mang con về sống cùng bố mẹ đẻ ở Thôn Th, xã Q, huyện L, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian này mặc dù được hai bên gia đình hoà giải khuyên bảo nhưng tình trạng vợ chồng vẫn

trầm trọng. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H2.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 31/01/2013. Hiện tại chị là người trực tiếp nuôi con, khi ly hôn chị xin được nuôi con chung. Công việc của chị có thu nhận ổn định từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ/ tháng. Chị không yêu cầu anh H2 phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra chị không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay chị H1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn H2: Anh H2 trình bày về thời gian, điều kiện đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân là đúng và về con chung đúng như chị H1 trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Anh H2 xác định vợ chồng có mâu thuẫn, cũng có lúc vợ chồng đánh, chửi nhau. Nhưng anh xác định là anh vẫn còn tình cảm với chị H1, mâu thuẫn vợ chồng là nhỏ. Anh không đồng ý ly hôn với chị H1.

Về con chung: Hiện do chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn anh xin được nuôi con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 31/01/2013, anh không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Nguyễn Văn H2 vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại các buôi hoà giải và tại phiên toà không có lý do.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Áp dụng Điều 19, 21, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm. Điều 28, 35, 39, khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H1 được ly hôn anh Nguyễn Văn H2.

Về con chung: Giao cho chị H1 nuôi con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 31/01/2013.

Ngoài ra còn đề nghị tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chị H1 có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn theo Điều 51 luật Hôn nhân và gia đình. Đơn khởi kiện của chị H1 cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Lạng Giang. Theo Điều 28, 35, 39, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn H2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn H2 đã đăng ký kết hôn vào ngày 31/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Lạng Giang. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H1 và anh H2 là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Lời khai của chị H1 về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng ly thân của 02 vợ chồng phù hợp với lời khai của anh H2, phù hợp với biên bản xác minh với gia đình anh H2 và UBND xã H về tình trạng vợ chồng giữa anh H2 với chị H1. Hội đồng xét xử xét thấy rằng, trong thời gian sống chung vợ chồng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ về nhân thân, không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không sống chung cùng nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay; việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H1 với anh Nguyễn Văn H2.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 31/01/2013. Hiện chị H1 là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, trường hợp vợ chồng không thoả thuận được thì Toà án giao cho một bên trực tiếp nuôi con căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con và cần tuân thủ nguyên tắc bảo vệ, hỗ trợ trẻ em, giúp đỡ các bà mẹ thực hiện chức năng cao quý của người mẹ được quy định tại khoản 4 Điều 2 Luật Hôn nhân và gia đình. Con chung hiện còn nhỏ, không nên xáo chộn về điều kiện sống, học tập. Chị H1 có nghề nghiệp (công nhân), thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Anh H2 không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H2 cũng không đưa ra được căn cứ đển đảm bảo việc nuôi con. Từ những phân tích trên, để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con chung, đảm bảo nguyên

tắc bảo vệ bà mẹ và trẻ em theo quy định tại khoản 4 Điều 2, khoản 2 Điều 81 luật Hôn nhân gia đình. Cần giao cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 31/01/2013. Anh H2 được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 19, 21, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H1 được ly hôn anh Nguyễn Văn H2.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 31/01/2013.

Sau khi ly hôn anh H2 được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Hương đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0002186 ngày 27/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H1 đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H1 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bán.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn H2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã H, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Thân Văn Hiếu